TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 965/2023/HS-PT
Ngày 19/12/2023

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội: *Bà Trần Thị Thanh Thủy*, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18, 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 583/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Lê G và đồng phạm phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**** Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

1. Nguyễn Lê G, giới tính: Nam, sinh năm 1985 tại thành phố T; nơi cư trú: số G T, phường Đ, thành phố T; nghề nghiệp: nguyên cán bộ Trung tâm thể dục thể thao thành phố T, là Đảng viên đã bị khai trừ khỏi Đảng theo Quyết định số 147-QĐ/UBKT ngày 02/5/2019 của Ủy ban kiểm tra thành ủy thành phố T; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H1; có vợ Lê Thị H2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo Nguyễn Lê G 12 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", hiện đang chấp hành án, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 03/10/2018; Có mặt.

2. Đàm Thị Q, giới tính: Nữ, sinh năm 1989; trú tại H, Thanh Hóa; nơi cư trú: số F Ngõ S, phường Đ, thành phố T; nơi ở: Phòng 409 nhà CT3 chung cư P, phố T, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đàm Viết N2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; chồng là Thiều Thanh B, và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

**** Những người bị hại có kháng cáo:***

1. Ông Nguyễn Sỹ K, sinh năm 1965; nơi cư trú: Lô A MBQH89, phố B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Ông Đỗ Đình T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Lô C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3. Ông Hoàng Văn K1, sinh năm 1957; nơi cư trú: số D, ngõ D H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

4. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1985; nơi cư trú: số A L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

5. Ông Ngô Xuân N3, sinh năm 1982; nơi cư trú: Lô B N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

6. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1976; nơi cư trú: số A T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

7. Ông Đỗ Viết P, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

8. Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1966; nơi cư trú: R1, khu C, khu đô thị B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:***

1. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1964; nơi cư trú: số A, phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Ông Trần Bá Đ, sinh năm 1956 - là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Bá Đ1; nơi cư trú: Lô D+43 MB42 L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1978; nơi cư trú: số C Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

4. Bà Lê Thị H4, sinh năm 1984; nơi cư trú: số B Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: P tầng A Chung cư A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

5. Ông Đỗ Tiến H5, sinh năm 1978; nơi cư trú: số A N, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976; nơi cư trú: số I N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1975; nơi cư trú: số A MB122 Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

8. Ông Lê Văn L, sinh năm 1963; nơi cư trú: số B đường N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: số C L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

9. Ông Võ Tiến V, sinh năm 1970; nơi cư trú: số C N, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

10. Bà Phạm Lê Thái N4, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn C, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: H7.6 đường N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Thanh H7 (chồng bà N4).

11. Bà Lê Thị S, sinh năm 1967; nơi cư trú: số B L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

12. Bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Lô A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

13. Ông Lê Duy T3, sinh năm 1979; nơi cư trú: số A N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

14. Bà Nguyễn Thị Thu H8, sinh năm 1989; nơi cư trú: số C, tổ G B, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

15. Ông Lê Trần D1, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

**** Người bào chữa cho các bị cáo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Luật sư Trịnh Thị T4 - Văn phòng L6, Đoàn luật sư tỉnh T; địa chỉ: số D H, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê G; có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Hữu G - Công ty L7, Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hoá bào chữa cho bị cáo Đàm Thị Q; Có mặt.

3. Luật sư Đặng Văn C1 - Văn phòng L8, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại Trần Đăng H9; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Luật sư Mai Văn B3 - Văn phòng L9, Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H6 và người bị hại Nguyễn Sỹ K; Có mặt.

**** Người tham gia tố tụng khác (không kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo) được Tòa án triệu tập:***

1. Chị Lê Thị D2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Lô D LK21 Khu đô thị Đ, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Anh Trần Đăng H9, sinh năm 1995, nơi cư trú: Khu phố D T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T11 - Bộ C2; Có mặt.

3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1961; nơi cư trú: số G T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Văn D3 và những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" của Nguyễn Lê G:

Từ năm 2009 đến tháng 9/2017, Nguyễn Lê G là cán bộ công tác tại Phòng T, Ủy ban nhân dân thành phố T, nên Nguyễn Lê G có nhiều mối quan hệ quen biết với những người làm nghề môi giới bất động sản và những người có nhu cầu mua đất. Xuất phát từ vị trí công tác, biết rõ và in sao được sơ đồ các mặt bằng quy hoạch (MBQH) đã và đang đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố T nên Nguyễn Lê G đưa ra thông tin về việc bản thân mình có thể mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên với giá thấp hơn giá thị trường khiến cho nhiều người làm môi giới bất động sản và các cá nhân có nhu cầu mua đất tin tưởng, đưa tiền hoặc nhận tiền của người khác đưa cho Nguyễn Lê G để đặt cọc mua đất tại các MBQH trên địa bàn thành phố T.

Tuy nhiên trên thực tế, Nguyễn Lê G không có khả năng mua được đất tại các MBQH trên địa bàn thành phố T như đã hứa. Đặc biệt, kể từ ngày 03/10/2017, Nguyễn Lê G bị điều chuyển công tác đến Trung tâm Thể dục thể thao thành phố T, không liên quan đến lĩnh vực đất đai nhưng vẫn nhận tiền, hứa mua đất cho các cá nhân có nhu cầu. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G sử dụng vào mục đích tiêu dùng và trả nợ cá nhân, không mua được đất như đã hứa. Quá trình điều tra đã xác định được Nguyễn Lê G đã có hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" để chiếm đoạt tiền mua đất của những cá nhân sau:

1.1- Lê Thị D2, sinh năm 1983, ở Lô D LK21 KĐT Đ, phường A, thành phố T - Giám đốc và Trần Đăng H9, sinh năm 1995, ở khu phố D, T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa - phó Giám đốc Công ty B4 (địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà T, phường Đ, thành phố T) hoạt động trong lĩnh vực môi giới bất động sản. Với thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Lê G đã làm cho Trần Đăng H9 và Lê Thị D2 tin tưởng, nhận tiền của nhiều người có nhu cầu mua đất tại các mặt bằng quy hoạch: 3205 (Nguyễn Công T5, phường Đ, thành phố T); 199 (khu đô thị Đ, phường Đ, thành phố T); 2125 (S, phường Đ, thành phố T); 3241 (khu vực triển lãm, thành phố T), sau đó đưa tiền cho Nguyễn Lê G. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G sử dụng chi tiêu cá nhân, không mua được đất như đã hứa. Cụ thể:

- *Mặt bằng quy hoạch 3205*: Nguyễn Lê G nhận của Trần Đăng H9 15.107.500.000 đồng, tiền đặt cọc mua đất cho các khách hàng, thể hiện tại các giấy nhận tiền của Nguyễn Lê G nhận của Trần Đăng H9, gồm:

+ Giấy nhận số tiền 3,2 tỷ đồng (không đề ngày tháng);

+ Giấy nhận số tiền 1,8 tỷ đồng, ngày 16/3/2018;

+ Giấy nhận số tiền 6,8 tỷ đồng ngày 07/5/2018;

+ Giấy nhận tiền 3.307.500.000 đồng (không đề ngày tháng).

- *Mặt bằng quy hoạch 199*: Nguyễn Lê G nhận của Trần Đăng H9 6.978.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua đất cho các khách hàng, thể hiện tại các giấy nhận tiền của Nguyễn Lê G nhận của Trần Đăng H9, gồm:

+ Ngày 17/4/2018 số tiền 5.278.000.000 đồng;

+ Ngày 03/5/2018 số tiền 1.000.000.000 đồng;

+ Ngày 07/6/2018 Số tiền 700.000.000 đồng.

- *Mặt bằng quy hoạch 2125*: Nguyễn Lê G nhận của Trần Đăng H9 5.100.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua đất cho các khách hàng, thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 05/02/2018.

- *Mặt bằng quy hoạch 3241*: Lê Thị D2 chuyển tiền cho Nguyễn Lê G để đặt cọc mua đất cho các khách hàng, gồm:

- Ngày 20/3/2018 chuyển số tiền 1.750.000.000 đồng (Nội dung chuyển khoản đặt mua 35 lô MBQH 3241);

- Ngày 26/3/2018 chuyển số tiền 1.250.000.000 đồng (Nội dung chuyển khoản đặt cọc 25 lô còn lại của MBQH khu tái định cư);

- Ngày 30/3/2018 chuyển số tiền 400.000.000 đồng (Nội dung chuyển khoản đặt cọc mua các lô đất: LK 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44 MBQH 3241).

Lê Thị D2 đã chuyển cho Nguyễn Lê G tổng 3,4 tỷ đồng, (trong đó có 3 tỷ đồng để đặt 60 lô đất tái định cư liền kề và 400 triệu đồng để mua 07 lô đất thương mại liền kề

Ngoài ra Nguyễn Lê G còn viết giấy nhận của Trần Đăng H9 số tiền 800.000.000 đồng nhưng không ghi rõ thông tin khách hàng.

Tổng cộng, Nguyễn Lê G đã nhận của Trần Đăng H9 và Lê Thị D2 tổng số tiền 31.385.500.000 đồng. Sau đó Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa. Sau nhiều lần đòi tiền, Nguyễn Lê G đã khắc phục một phần hậu quả trả lại cho Trần Đăng H9 tổng số tiền 3.708.000.000 đồng, còn lại 27.677.500.000 đồng, Nguyễn Lê G chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra Nguyễn Lê G khai đã mua được cho Trần Đăng H9 17 lô đất (có 02 lô đất giao dịch mua đi bán lại) thuộc mặt bằng quy hoạch 3205 (đường N, phường Đ, thành phố T) và 08 lô đất thuộc mặt bằng quy hoạch 199 (khu đô thị Đ, phường Đ, thành phố T), tổng giá trị 14.677.575.800 đồng. Việc mua 25 lô đất này Nguyễn Lê G sử dụng từ số tiền đã nhận của Trần Đăng H9 và Lê Thị D2 để mua đất. Tuy nhiên khi giao hợp đồng (dạng hợp đồng góp vốn) mua đất với chủ đầu tư của các lô đất cho Trần Đăng H9, hai bên không có xác nhận bàn giao với nhau.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Đăng H9 không thừa nhận việc Nguyễn Lê G đã mua được 25 lô đất như trong danh sách Nguyễn Lê G đã thống kê và cung cấp cho Cơ quan điều tra. Nguyễn Lê G có đứng ra giao dịch cho Trần Đăng H9 một số lô đất nhưng không phải nằm trong tổng số tiền Nguyễn Lê G đã nhận của Trần Đăng H9 nêu trên.

Quá trình điều tra xác định, chủ sở hữu các lô đất tại mặt bằng quy hoạch 3205 và 199 trong danh sách Nguyễn Lê G kê khai cung cấp cho Cơ quan điều tra (Đối với mặt bằng quy hoạch 3205 là Công ty TNHH B4 và mặt bằng quy hoạch 199 là Công ty cổ phần T12) xác định: Chủ sở hữu của các lô đất theo danh sách của Nguyễn Lê G cung cấp không có mối quan hệ mua bán hoặc là khách hàng của Công ty Cổ phần B4 của Trần Đăng H9 và Lê Thị D2. Các lô đất trên được chủ sở hữu giao dịch mua bán trực tiếp với chủ đầu tư. Do đó không đủ căn cứ xác định Nguyễn Lê G đã mua được các lô đất như danh sách đã cung cấp cho Cơ quan điều tra.

1.2- Nguyễn Sỹ K, sinh năm 1965, ở Lô A mặt bằng quy hoạch H, phường Đ, thành phố T. Thông qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Lê G quen biết anh Nguyễn Sỹ K. Cũng với thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối có khả năng mua được đất giá rẻ tại các mặt bằng quy hoạch đã và đang đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên từ ngày 04/01/2018 đến ngày 02/8/2018, Nguyễn Sỹ K giao tiền cho Nguyễn Lê G để nhờ mua đất tại MBQH: 2125 (S,

phường Đ, thành phố T); 199 (khu đô thị Đ, phường Đ, phường T); 3205 (N, phường Đ, thành phố T) và Dự án Vinhome S (phường Đ, thành phố T). Sau khi nhận tiền Nguyễn Lê G sử dụng chi tiêu cá nhân, không mua được đất như đã hứa. Cụ thể:

- *Mặt bằng quy hoạch 2125 (S, phường Đ, thành phố T)*: Nguyễn Lê G nhận của Nguyễn Sỹ K 12 tỷ đồng, tiền đặt cọc mua đất, thể hiện tại các giấy nhận tiền của Nguyễn Lê G nhận của Nguyễn Sỹ K, gồm:

+ Ngày 04/01/2018 nhận số tiền 2 tỷ đồng (theo Hợp đồng hỗ trợ mua đất các Lô 23, 24, 25, 26 Nơ 10; Lô 23, 24, 25, 26 Nơ 11);

+ Ngày 08/01/2018 (trong Hợp đồng ghi ngày 08/01/2017) nhận số tiền 1 tỷ đồng (theo Hợp đồng hỗ trợ mua đất các lô 18 BT1, 17BT1);

+ Ngày 11/01/2018 nhận số tiền 1 tỷ đồng (theo Hợp đồng hỗ trợ mua đất đối với các lô 21, 22 BT3);

+ Ngày 17/01/2018 nhận số tiền 800.000.000 đồng (theo Hợp đồng hỗ trợ mua đất đối với các lô 3, 8, 9 Nơ 09);

+ Ngày 17/01/2018 nhận số tiền 500.000.000 đồng (theo Hợp đồng hỗ trợ mua đất đối với lô 26 BT3);

+ Ngày 30/01/2018 nhận số tiền 1.500.000.0000 đồng (theo Giấy nhận tiền mua 03 lô biệt thự 32, 33, 34);

+ Ngày 08 và 09/02/2018 bà Lê Thị H1 - là mẹ đẻ của Nguyễn Lê G ký giấy nhận thay G số tiền 2,8 tỷ đồng từ anh Nguyễn Sỹ K, nội dung để lấy các phiếu thu của 19 lô đất thuộc mặt bằng quy hoạch 2125;

+ Từ ngày 01/02/2018 đến ngày 13/02/2018, Nguyễn Lê G nhận của Nguyễn Sỹ K tổng 1,9 tỷ đồng để mua các lô đất tại mặt bằng quy hoạch 3241 (khu vực triển lãm, phường Đ, thành phố T) và mặt bằng quy hoạch 2125 sau đó 02 bên thống nhất chuyển số tiền này để mua 19 lô đất đã thỏa thuận tại mặt bằng quy hoạch 2125.

+ Ngoài 19 lô đất trên, ngày 02/8/2018 Nguyễn Lê G nhận của Nguyễn Sỹ K 500.000.000 đồng, đặt cọc 5 lô: 25; 26; 27; 30; 31 No 9 MBQH 2125.

- *Mặt bằng quy hoạch 199 (khu đô thị Đ, phường Đ, thành phố T)*. Nguyễn Lê G nhận của Nguyễn Sỹ K 2.837.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua đất, thể hiện tại các giấy nhận tiền của Nguyễn Lê G nhận của Nguyễn Sỹ K, gồm:

+ Ngày 20/4/2018, nhận số tiền 1.100.000.000 đồng (đặt mua 02 lô đất 10, 11 BLK5);

+ Ngày 23/4/2018, nhận số tiền 300.000.000 đồng (đặt mua lô đất BLK3-8);

+ Ngày 23/4/2018, nhận số tiền 600.000.000 đồng (đặt mua lô đất BLK2-1);

+ Ngày 04/6/2018, nhận số tiền 337.000.000 đồng (đặt mua lô đất BT-C08);

+ Ngày 05/6/2018, nhận số tiền 300.000.000 đồng (đặt mua lô đất BT-C07);

+ Ngày 6/6/2018, nhận số tiền 200.000.000 đồng (đặt mua lô đất FLK01-Lô 09).

- *Mặt bằng quy hoạch 3205 (Nguyễn Công T5, phường. Đông Vệ, thành phố T)*. Nguyễn Lê G nhận của Nguyễn Sỹ K 9.950.650.000 đồng, tiền đặt cọc mua đất, thể hiện tại các giấy nhận tiền của Nguyễn Lê G nhận của Nguyễn Sỹ K, gồm:

+ Giấy nhận tiền: Ngày 28/01/2018, nhận 2.500.000.000 đồng; ngày 10/5/2018, nhận 1.200.000.000 đồng; ngày 16/5/2018 nhận 1.200.000.000 đồng và ngày 21/5/2018 nhận 380.000.000 đồng. Tổng 5.280.000.000 đồng (để mua các lô đất CL2B 07, 08 (điều chỉnh quy hoạch thành lô 70, 71); CL06 lô 10, 11 (nay thành lô 201, 202); CL03 lô 01, 02, 21, 22 (nay là các lô 79, 80, 99, 100); CL08 lô 01, 02 (nay là các lô 271, 272) và lô số 140).

+ Giấy nhận tiền: Ngày 28/4/2018, nhận 150.000.000 đồng; ngày 25/5/2018 nhận 70.000.000 đồng. Tổng nhận 220.000.000 đồng (để mua lô đất số 31).

+ Ngày 8/5/2018, nhận số tiền 1 tỷ đồng (để mua các lô 230 và 256).

+ Giấy nhận tiền: Ngày 18/5/2018, nhận 610.000.000 đồng; ngày 28/5/2018, nhận 500.000.000 đồng; ngày 25/5/2018, nhận 500.000.000 đồng; ngày 29/5/2018, nhận 350.000.000 đồng. Tổng nhận 1.960.000.000 đồng (để mua các lô đất số 87, 88, 179 và 141).

+ Ngày 22/5/2018, nhận số tiền 360.000.000 đồng (để đặt mua các lô đất 171, 96).

+ Ngày 23/5/2018, nhận số tiền 950.650.000 đồng (để mua các lô đất 97, 178).

- Ngày 24/5/2018, nhận thêm số tiền 180.000.000 đồng (để mua lô đất số 178).

- *Dự án Vinhome S (phường Đ, thành phố T)*:

Ngày 27/4/2018 Nguyễn Lê G nhận số tiền 900.000.000 đồng; ngày 7/6/2018 nhận số tiền 150.000.000 đồng. Tổng Nguyễn Lê G nhận của Nguyễn Sỹ K 1.050.000.000 đồng để đặt cọc mua 07 căn nhà tại dự án V (phường Đ, thành phố T) để nhận giá ưu đãi từ 15-20% so với thị trường. Tuy nhiên Nguyễn Lê G chỉ nộp tiền đặt cọc được hai căn nhà tại dự án này (gồm: HH15-35 và HH9-39) với số tiền 600.000.000 đồng như khách hàng mua bình thường, không được hưởng giá ưu đãi như đã hứa. Vì vậy, Nguyễn Sỹ K đã làm thủ tục hủy bỏ hợp đồng của các căn nhà này. Còn lại số tiền 450.000.000 đồng, bị Nguyễn Lê G chiếm đoạt.

- *Tiền vay để mua đất*: Kể từ ngày 03/10/2017, Nguyễn Lê G bị điều chuyển công tác đến Trung tâm Thể dục thể thao thành phố T, không liên quan

đến lĩnh vực đất đai nhưng do mất khả năng thanh toán, cần tiền để trả nợ cho những người đặt tiền mua đất trước đó và trả nợ cá nhân. Nguyễn Lê G đã viết giấy vay tiền của Nguyễn Sỹ K với lý do đặt tiền mua đất. Sau khi vay được tổng số tiền 6.450.000.000 đồng, Nguyễn Lê G sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân, cụ thể:

+ Ngày 8/6/2018, vay số tiền 200.000.000 đồng;

+ Ngày 14/6/2018, vay số tiền 300.000.000 đồng;

+ Ngày 15/6/2018, vay số tiền 1.200.000.000 đồng;

+ Ngày 20/6/2018, vay số tiền 4.000.000.000 đồng;

+ Ngày 18/6/2018, vay số tiền 750.000.000 đồng.

Tổng cộng, Nguyễn Lê G đã nhận của Nguyễn Sỹ K tổng số tiền 31.687.650.000 đồng. Sau đó Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa và chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

Sau khi nhận tiền đặt cọc mua đất, để tạo lòng tin đối với Nguyễn Sỹ K. Nguyễn Lê G đã tự soạn thảo 19 Phiếu đăng ký và sử dụng con dấu giả do Lê Văn D3 khắc để đóng vào 19 Phiếu đăng ký mang tên Công ty TNHH B4 đưa cho Nguyễn Sỹ K. Theo Kết luận giám định số 212/GĐKTHS-P11 ngày 09/10/2020 của Phòng giám định KTHS Bộ Quốc Phòng, kết luận 19 Phiếu đăng ký nêu trên là giả.

1.3 - Đỗ Đình T, sinh năm 1982, ở lô 351 MBQH 530, phường Đ, thành phố T. Thông qua Đàm Thị Q, Đỗ Đình T được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng, anh Đỗ Đình T đưa tiền cho Nguyễn Lê G để đặt mua đất tại các mặt bằng quy hoạch, cụ thể như sau:

- Ngày 10/10/2017, Nguyễn Lê G nhận 2.430.000.000 đồng (theo Hợp đồng hỗ trợ mua đất, đặt mua lô đất lô 25BT3 mặt bằng quy hoạch 2125).

- Ngày 08/11/2017, Nguyễn Lê G viết giấy nhận 1 tỷ đồng (trong đó: Đỗ Đình T và anh Đỗ Thành T6 mỗi người góp 500.000.000 đồng, để đặt mua hai lô đất số 23, 24 Nơ 09 thuộc mặt bằng quy hoạch 2125. Sau đó Đỗ Đình T đã chuyển số tiền 500.000.000 đồng trên để mua 03 lô đất khác tại mặt bằng 2125 theo giấy giao nhận tiền ngày 13/11/2017).

- Ngày 13/11/2017, Nguyễn Lê G viết giấy nhận 1 tỷ đồng (để đặt mua 03 lô đất thuộc vị trí Nơ 09 mặt bằng quy hoạch 2125).

- Tháng 5/2018, Nguyễn Lê G viết giấy nhận 900.000.000 đồng (để bán lô đất BLK3 lô 07 mặt bằng quy hoạch 199). Nguyễn Lê G đưa cho Đỗ Đình T một bộ hợp đồng vay vốn, kèm theo 01 thỏa thuận đăng ký mua lô đất BLK03-07 với Công ty cổ phần T12 mang tên Lê Thị G3. Sau đó Đỗ Đình T đưa lại bộ

hợp đồng trên cho Nguyễn Lê G đến chủ đầu tư sang tên hợp đồng nhưng không đưa lại hợp đồng cho Đỗ Đình T.

Nguyễn Lê G khai nhận: Để tạo lòng tin, Nguyễn Lê G đã làm giả một phiếu thu tiền của Công ty TNHH B4 thu tiền để mua lô đất 25BT3 bằng cách sử dụng máy tính cá nhân lập phiếu thu, sử dụng phần mềm Photoshop tạo hình con dấu Công ty TNHH B4, ghép vào bản Word của nội dung phiếu thu, sử dụng máy in màu in phiếu thu số tiền 1.390.675.000 đồng ngày 02/11/2017 rồi tự ký phiếu thu đưa cho Đỗ Đình T để làm tin. Sau đó Nguyễn Lê G yêu cầu Đỗ Đình T đưa lại phiếu thu trên để làm hợp đồng (Đỗ Đình T đã dùng điện thoại chụp lại phiếu thu) và đưa phiếu thu gốc cho Nguyễn Lê G.

Sau khi nhận của Đỗ Đình T tổng số tiền 4.830.000.000 đồng, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.4 - Đỗ Thành T6, sinh năm 1983, ở lô D, Đại lộ Đ, phường Đ, thành phố T. Thông qua Đỗ Đình T, Đỗ Thành T6 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên anh Đỗ Thành T6 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua đất tại các mặt bằng quy hoạch, cụ thể như sau:

- Ngày 03/11/2017, Nguyễn Lê G viết giấy nhận 1 tỷ đồng để đặt mua hai lô đất số 16, 17 Nơ 06 mặt bằng quy hoạch 2125 cho anh Đỗ Thành T6. Hai bên ký kết bằng Hợp đồng hỗ trợ mua đất hẹn ngày 15/11/2017 sẽ thực hiện việc mua đất.

- Ngày 07/11/2017, Nguyễn Lê G viết giấy nhận 350.000.000 đồng (để mua hai lô đất nêu trên).

- Ngày 08/11/2017, Nguyễn Lê G nhận 500.000.000 đồng của Đỗ Thành T6 và 500.000.000 đồng của Đỗ Đình T để đặt mua 02 lô đất số 23, 24 Nơ 09 mặt bằng quy hoạch 2125. Sau đó giữa Đỗ Đình T, Đỗ Thành T6 và Nguyễn Lê G thống nhất về việc một mình Đỗ Thành T6 sẽ mua 02 lô đất trên, còn Đỗ Đình T chuyển số tiền 500.000.000đ sang thành tiền mua 03 lô đất khác thuộc Nơ 09 mặt bằng quy hoạch 2125.

- Ngày 12/11/2017, anh Đỗ Thành T6 đưa thêm cho Nguyễn Lê G 1,2 tỷ đồng cho để mua 02 lô đất 23, 24 nơ 09.

Nguyễn Lê G khai nhận: Để tạo lòng tin, Nguyễn Lê G đã làm giả một phiếu thu bằng phương pháp in màu mang tên Công ty TNHH B4, thu số tiền 1.222.400.000 đồng mua hai lô đất 23, 24 Nơ 09 mặt bằng quy hoạch 2125 giao cho Đỗ Thành T6.

Sau khi nhận của Đỗ Thành T6 tổng số tiền **3.050.000.000 đồng**, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.5 - Hoàng Văn K1, sinh năm 1957, ở số A ngõ D, H, phường Q, thành phố T. Tháng 10/2017 thông qua Trần Mạnh H10, sinh năm 1985, ở phòng 315-316 CT1 Chung cư H, phường L, thành phố T, Hoàng Văn K1 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Hoàng Văn K1 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua đất tại các mặt bằng quy hoạch, cụ thể như sau:

- Ngày 11/10/2017, Nguyễn Lê G ký nhận của Hoàng Văn K1 2,2 tỷ đồng (theo Hợp đồng hỗ trợ mua lô đất 23BT3, mặt bằng quy hoạch 2125, phường Đ, thành phố T).

- Ngày 01/11/2017, Nguyễn Lê G viết vào Hợp đồng hỗ trợ mua lô đất 23BT3, mặt bằng quy hoạch 2125, phường Đ, thành phố T để nhận của Hoàng Văn K1 910.000.000 đồng.

- Ngày 23/8/2018 Nguyễn Lê G nhờ Đàm Thị Q viết giấy nhận tiếp của Hoàng Văn K1 167.100.000 đồng, tiền đặt mua 02 lô đất trên.

Nguyễn Lê G khai nhận: Để tạo lòng tin, Nguyễn Lê G đã làm giả một phiếu thu bằng phương pháp in màu mang tên Công ty TNHH B4, thu số tiền 2,2 tỷ đồng mua hai lô đất 23BT3 mặt bằng quy hoạch 2125 giao cho Hoàng Văn K1.

Sau khi nhận của Hoàng Văn K1 tổng số tiền 3.277.100.000 đồng, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.6 - Trần Văn T1, sinh năm 1985, ở số A L, phường Đ, thành phố T. Thông qua mối quan hệ xã hội, Trần Văn T1 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Trần Văn T1 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua đất tại mặt bằng quy hoạch 931 (khu nhà máy B5, phường Đ, thành phố T và mặt bằng khu đô thị X, phường Đ, thành phố T, cụ thể như sau:

- Ngày 28/8/2017, Nguyễn Lê G ký Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà, đất với Trần Văn T1 để nhận 400.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua các lô D1, D9, D10, D11, C34, mặt bằng quy hoạch 931. Nguyễn Lê G hẹn trong thời hạn 30 ngày sẽ hoàn thiện thủ tục pháp lý và ký hợp đồng mua bán với chủ đầu tư.

- Ngày 25 và 26/10/2017, Nguyễn Lê G tiếp tục ký 03 Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà, đất với Trần Văn T1 để nhận tổng 1,8 tỷ đồng tiền đặt cọc mua các lô đất trên.

- Ngày 29/11/2017, Nguyễn Lê G ký Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà, đất với Trần Văn T1 để nhận 3,4 tỷ đồng, tiền đặt cọc mua các lô đất từ số 176 đến 185, mặt bằng khu đô thị X, phường Đ, thành phố T. Nguyễn Lê G hẹn trong thời hạn 30 ngày sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý để mua 10 lô đất trên.

Sau khi nhận của Trần Văn T1 tổng số tiền 5.600.000.000 đồng, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.7 - Ngô Xuân N3, sinh năm 1982, ở số B N, phường Đ, thành phố T. Thông qua Đàm Thị Q, Ngô Xuân N3 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Ngô Xuân N3 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua đất tại mặt bằng quy hoạch 2125 (phường Đ, thành phố T), cụ thể như sau:

- Ngày 19/10/2017, Nguyễn Lê G ký Hợp đồng hỗ trợ mua đất với Ngô Xuân N3 để nhận 320.000.000 đồng, tiền đặt mua 02 lô đất 26, 27 Nơ 10 mặt bằng quy hoạch 2125.

- Ngày 18/11/2017, Nguyễn Lê G viết vào Hợp đồng hỗ trợ mua đất trên để nhận của Ngô Xuân N3 160.000.000 đồng, tiền đặt mua 02 lô đất trên.

- Ngày 19/11/2017, Nguyễn Lê G viết vào Hợp đồng hỗ trợ mua đất trên để nhận của Ngô Xuân N3 560.000.000 đồng, tiền đặt mua 02 lô đất trên.

Nguyễn Lê G khai nhận: Để tạo lòng tin, Nguyễn Lê G đã làm giả một phiếu thu bằng phương pháp in màu mang tên Công ty TNHH B4, thu số tiền 560.000.000 đồng, đặt mua LK26, LK27- N010 MBQH 2125, giao cho Ngô Xuân N3 (Theo kết luận giám định số 2095/PC09, ngày 05/8/2020 của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận phiếu thu trên được làm giả bằng phương pháp Scan in màu).

Sau khi nhận của Ngô Xuân N3 tổng số tiền 1.040.000.000 đồng, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.8 - Trần Thị Hồng G4, sinh năm 1983, ở ngõ D, Q, phường Đ, thành phố T. Thông qua mối quan hệ bạn bè, Trần Thị Hồng G4 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Trần Thị Hồng G4 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua đất tại mặt bằng quy hoạch 3205 (khu N, phường Đ, thành phố T), cụ thể như sau:

- Ngày 29/01/2018, Nguyễn Lê G viết giấy nhận của Trần Thị Hồng G4 150.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua lô đất CL3-79. Sau đó, Trần Thị Hồng G4 đưa thêm cho Nguyễn Lê G 70.000.000 đồng, tiền đặt mua lô đất trên.

- Ngày 22/5/2018, Nguyễn Lê G nhận thêm của Trần Thị Hồng G4 303.000.000 đồng. Cùng ngày Nguyễn Lê G viết giấy nhận tiền đặt cọc của Trần Thị Hồng G4 tổng số tiền 523.000.000 đồng và hứa ngày hôm sau sẽ cung cấp hợp đồng mua bán đất.

Tổng cộng, Nguyễn Lê G đã nhận của Trần Thị Hồng G4 tổng số tiền 523.000.000 đồng. Sau đó Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa. Sau nhiều lần đòi tiền, Nguyễn Lê G đã khắc phục một phần hậu quả trả lại cho Trần Thị Hồng G4 tổng số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 423.000.000 đồng, Nguyễn Lê G chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân.

1.9 - Phan Thị L1, sinh năm 1969, ở số B Q, phường N, thành phố T. Thông qua mối quan hệ xã hội, Phan Thị L1 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Phan Thị L1 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua đất tại mặt bằng quy hoạch 931 (điều chỉnh quy hoạch tái định cư Đ, phường Đ, thành phố T).

Ngày 17/7/2017, Nguyễn Lê G ký Biên bản thỏa thuận giao nhận tiền mua đất ở với Phan Thị L1 để nhận 500.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua 04 lô đất: D6, D7, D8, D9. Nguyễn Lê G cam kết sẽ mua được 04 lô đất trên trước ngày 31/12/2017.

Sau khi nhận của Phan Thị L1 tổng số tiền 500.000.000 đồng, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.10 - Lê Sỹ V1, sinh năm 1987, ở đội I, xã H, huyện H, Thanh Hóa. Thông qua Phan Thị L1, Lê Sỹ V1 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Lê Sỹ V1 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua đất tại mặt bằng quy hoạch 931 (điều chỉnh quy hoạch tái định cư Đ, phường Đ, thành phố T)

Ngày 17/7/2017, Nguyễn Lê G ký Biên bản thỏa thuận giao nhận tiền mua đất ở với Lê Sỹ V1 để nhận 100.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua lô đất D16. Nguyễn Lê G cam kết sẽ mua được lô đất trên trước ngày 31/12/2017.

Sau khi nhận của Lê Sỹ V1 tổng số tiền 100.000.000 đồng, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.11- Phạm Văn L2, sinh năm 1973, ở số B H ông, phường Đ, thành phố T. Thông qua Nguyễn Hồng S1, Phạm Văn L2 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Phạm Văn L2 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua

đất tại mặt bằng quy hoạch 931 (điều chỉnh quy hoạch tái định cư Đ, phường Đ, thành phố T).

Ngày 17/7/2017, Nguyễn Lê G ký Biên bản thỏa thuận giao nhận tiền mua đất ở với Phạm Văn L2 để nhận 100.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua lô đất D16. Nguyễn Lê G cam kết sẽ mua được lô đất trên trước ngày 31/12/2017.

Sau khi nhận của Phạm Văn L2 tổng số tiền 100.000.000 đồng, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.12 - Hồ Thị H11, sinh năm 1968, ở lô E, 06, MBQH 2125, phường Đ, thành phố T. Thông qua anh trai chồng là Nguyễn Hồng S1, Hồ Thị H11 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Hồ Thị H11 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua đất tại mặt bằng quy hoạch 931 (điều chỉnh quy hoạch tái định cư Đ, phường Đ, thành phố T).

Ngày 17/7/2017, Nguyễn Lê G ký Biên bản thỏa thuận giao nhận tiền mua đất ở với Hồ Thị H11 để nhận 200.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua 02 lô đất: D17, D18. Nguyễn Lê G cam kết sẽ mua được lô đất trên trước ngày 31/12/2017.

Sau khi nhận của Hồ Thị H11 tổng số tiền **200.000.000 đồng**, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.13 - Hoàng Ngọc D4, sinh năm 1963, ở thôn T, xã Q, thành phố T. Thông qua mối quan hệ xã hội, Hoàng Ngọc D4 biết Nguyễn Lê G công tác tại Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND thành phố T, nên đã nhờ Nguyễn Lê G mua đất tại mặt bằng quy hoạch 2125 (phường Đ, thành phố T). Do tin tưởng nên ngày 02/7/2018, Nguyễn Lê G viết giấy nhận tiền và nhận của Hoàng Ngọc D4 1,6 tỷ đồng, tiền đặt cọc mua đất tại mặt bằng quy hoạch 2125.

Sau khi nhận của Hoàng Ngọc D4 tổng số tiền 1,6 tỷ đồng, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.14 - Nguyễn Văn H3, sinh năm 1976, ở Số A T, phường Đ, thành phố T. Thông qua Đàm Thị Q, được Q giới thiệu Nguyễn Lê G có thể mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Nguyễn Văn H3 đã đưa tiền cho Đàm Thị Q để nhờ Nguyễn Lê G mua đất tại mặt bằng quy hoạch 2125 (phường Đông Vệ, thành phố T).

Ngày 06/11/2017, Đàm Thị Q ký Hợp đồng hỗ trợ mua lô đất lô đất ký hiệu 19; 30 Nơ 11 MBQH 2125 với Nguyễn Văn H3 để nhận 1.038.000.000 đồng, đưa cho Nguyễn Lê G 913.000.000 đồng và giữ 125.000.000 đồng. Nguyễn Lê

G ký Hợp đồng hỗ trợ mua lô đất lô đất ký hiệu 19; 30 Nơ 11 MBQH 2125 với Nguyễn Văn H3 để nhận 913.000.000 đồng từ Đàm Thị Q.

Tháng 8/2018, Đàm Thị Q đưa cho Nguyễn Văn H3 hồ sơ đăng ký mua lô đất 19, 30 Nơ 11 mang tên chủ đầu tư là Công ty CP B6 (qua giám định xác định đây là hồ sơ giả). Đàm Thị Q khai nhận hồ sơ này do Nguyễn Lê G nhờ Lê Văn D3 đưa cho Đàm Thị Q để đưa cho Nguyễn Văn H3.

Quá trình điều tra, Nguyễn Lê G thừa nhận hành vi nhận 913.000.000 đồng của Nguyễn Văn H3 từ Đàm Thị Q để mua đất. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

Như vậy, thông qua Đàm Thị Q, Nguyễn Lê G đã lừa đảo chiếm đoạt của Nguyễn Văn H3 913.000.000 đồng. Khi nhận tiền của Nguyễn Văn H3, Đàm Thị Q không có hành vi gian dối và không biết Nguyễn Lê G không có khả năng mua được đất nên Đàm Thị Q không đồng phạm với Nguyễn Lê G trong trường hợp này. Về trách nhiệm dân sự, Đàm Thị Q phải chịu trách nhiệm trả lại cho Nguyễn Văn H3 số tiền **125.000.000 đồng**.

1.15 - Đỗ Viết P, sinh năm 1971, ở xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 06/12/2017, Nguyễn Quang D, sinh năm 1966, ở R1, khu C, KĐT B, phường Đ, thành phố T đưa cho Đàm Thị Q 350.000.000 đồng để chuyển cho Nguyễn Lê G đặt mua lô đất 01 Nơ 09 MBQH 2125 (theo Giấy nhận tiền ngày 06/12/2017, giữa Nguyễn Quang D và Nguyễn Lê G). Sau đó, Nguyễn Quang D không có nhu cầu mua lô đất này nên đòi trả lại tiền. Đàm Thị Q dùng tiền của mình trả lại 350.000.000 đồng cho Nguyễn Quang D, Sau đó Đàm Thị Q đưa thêm cho Nguyễn Lê G 850.000.000 đồng để mua lô đất này. Tổng cộng, Đàm Thị Q đã đưa cho Nguyễn Lê G 1.200.000.000 đồng để mua lô đất 01 Nơ 09 MBQH 2125. Đỗ Viết P là bạn của Nguyễn Quang D và quen biết Đàm Thị Q. Tháng 8/2018, Đỗ Viết P muốn mua lô đất trên nên đã trả cho Đàm Thị Q 1.200.000.000 đồng để mua lô đất 01 Nơ 9 MBQH 2125 từ N. Cuối tháng 8/2018, Đàm Thị Q đưa cho Đỗ Viết P 01 phiếu thu và hợp đồng vay vốn của Công ty CP B6, đây là hợp đồng dạng thỏa thuận mua đất của chủ đầu tư và khách hàng (qua giám định xác định đây là hồ sơ giả). Đàm Thị Q khai nhận hồ sơ trên do Nguyễn Lê G đưa cho Lê Văn D3 đưa cho Đàm Thị Q đưa cho Đỗ Viết P.

Trước đó, ngày 01/12/2017, Đỗ Viết P đưa 1.500.000.000 đồng cho Đàm Thị Q để đặt cọc mua lô các đất ký hiệu 26, 27, 28 Nơ 11 MBQH 2125 và số tiền 1.600.000.000 đồng để đặt cọc mua các lô đất 01, 02 N08 MBQH 2125. Sau khi nhận tiền của Đỗ Viết P, Đàm Thị Q đã chuyển lại cho Nguyễn Lê G (theo Hợp đồng đặt cọc giữa Nguyễn Lê G và Đỗ Viết P). Sau đó, Đỗ Viết P không có nhu cầu mua các lô đất trên nên đề nghị Đàm Thị Q trả lại tiền. Đàm Thị Q trao

đổi lại với Nguyễn Lê G nhưng G không đồng ý trả lại tiền cho Đỗ Viết P. Đàm Thị Q đã dùng tiền của mình trả lại 3.100.000.000 đồng cho Đỗ Viết P.

Nguyễn Lê G khai nhận: Để tạo lòng tin, Nguyễn Lê G đã làm giả một phiếu thu bằng phương pháp in màu mang tên Công ty TNHH B4, thu số tiền 839.160.000 đồng, đặt mua lô đất 01, 02 Nơ 08 MBQH 2125, giao cho Đỗ Viết P (Theo kết luận giám định số 2308/KLGĐ-PC09, ngày 14/11/2018 của Phòng KTHS Công an tỉnh T, kết luận phiếu thu trên được làm giả bằng phương pháp Scan in màu).

Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

Như vậy, Nguyễn Lê G lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.200.000.000 đồng và 3.100.000.000 đồng của Đỗ Viết P. Đàm Thị Q đã trả lại số tiền 3.100.000 đồng cho Đỗ Viết P nên buộc Nguyễn Lê G phải bồi thường cho Đàm Thị Q 3.100.000.000 đồng và Đỗ Viết P 1.200.000.000 đồng.

1.16 - Nguyễn Quang D, sinh năm 1966, ở R1 Khu 3, KĐT. B, phường. Đ, thành phố T. Nguyễn Quang D quen biết với Đàm Thị Q, được Q giới thiệu Nguyễn Lê G có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T với giá ưu đãi. Do tin tưởng nên Nguyễn Quang D đã nhiều lần đưa tiền cho Đàm Thị Q chuyển cho Nguyễn Lê G để mua đất. Cụ thể:

Tháng 11/2017, Nguyễn Quang D đưa cho Đàm Thị Q 658.000.000 đồng để chuyển cho Nguyễn Lê G đặt cọc mua lô đất 29 Nơ 11 MBQH 2125 (theo Hợp đồng đặt cọc mua đất giữa Nguyễn Lê G ký với Nguyễn Quang D). Sau đó, Nguyễn Quang D lại bán lô đất này cho Lê Xuân P1 (ở phường H, thành phố T).

Ngày 28/8/2018, Đàm Thị Q nhận của Lê Xuân P1 thêm số tiền 254 triệu đồng để mua lô đất 29 Nơ 11 MBQH 2125. Đàm Thị Q đưa cho Lê Xuân P1 01 phiếu thu, 01 hợp đồng mua lô đất trên của công ty CP B6 (theo kết luận giám định xác định là hợp đồng và phiếu thu giả). Số tiền 254 triệu đồng Đàm Thị Q nhận của Lê Xuân P1 không đưa cho Nguyễn Lê G, G không biết việc Q nhận tiền của ông P1. Sau khi biết hợp đồng nêu trên là giả, ông Nguyễn Quang D đã trả lại số tiền 658.000.000 đồng cho ông Lê Xuân P1 và lấy lại hợp đồng của Công ty CP B6.

Ngày 07/11/2017, Nguyễn Quang D đưa cho Đàm Thị Q 1.689.000.000 đồng để chuyển cho Nguyễn Lê G đặt cọc lô đất 23; 24 Nơ 09 MBQH 2125 (theo Hợp đồng đặt cọc giữa Nguyễn Lê G ký với Nguyễn Quang D ngày 07/11/2017).

Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

Như vậy, Nguyễn Lê G chiếm đoạt số tiền 1.689.000.000 đồng và 658.000.000 đồng của ông Nguyễn Quang D.

Quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh Đàm Thị Q làm giả hợp đồng để lấy 254 triệu đồng của Lê Xuân P1. Vì vậy, về trách nhiệm dân sự, Đàm Thị Q chịu trách nhiệm trả lại cho Lê Xuân P1 254.000.000 đồng.

1.17 - Lê Đình H12, sinh năm 1979 ở Lô 11 Khu 3, KĐT B, phường Đ, thành phố T. Thông qua Đàm Thị Q, Lê Đình H12 quen biết và được Nguyễn Lê G giới thiệu có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng nên Lê Đình H12 đưa tiền cho Nguyễn Lê G để mua đất tại mặt bằng quy hoạch 2125 (phường Đ, thành phố T), cụ thể như sau:

Ngày 13/11/2017, Lê Đình H12 đưa 1.000.000.000 đồng cho Đàm Thị Q chuyển cho Nguyễn Lê G để đặt cọc mua các lô đất số 08, 09, 10 Nơ 09 và lô số 25 Nơ 11 MBQH 2125 (thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 21/4/2018, số tiền 5,9 tỷ đồng Nguyễn Lê G nhận của Đàm Thị Q).

Ngày 08/9/2018, Nguyễn Lê G không mua được đất như cam kết cho Lê Đình H12 và không trả lại tiền nên Đàm Thị Q đã tự trả lại cho Lê Đình H12 250.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Lê G đã lừa đảo chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng của Lê Đình H12. Đàm Thị Q trả lại tiền cho Lê Đình H12 250.000.000 đồng, nên Nguyễn Lê G phải trả cho Lê Đình H12 750.000.000 đồng và Đàm Thị Q 250.000.000 đồng.

1.18 - Lê Thanh T7, sinh năm 1980, ở Lô 527 MBQH 530, phường Đ, thành phố T. Do quen biết với Đàm Thị Q, được Q giới thiệu Q có mối quan hệ với Nguyễn Lê G là người có khả năng mua được đất với giá ưu đãi tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Do tin tưởng, Lê Thanh T7 đã đưa tiền cho Đàm Thị Q chuyển cho Nguyễn Lê G để mua đất. Cụ thể:

Ngày 06/12/2017, Lê Thanh T7 đưa cho Đàm Thị Q chuyển cho Nguyễn Lê G 300.000.000 đồng để đặt cọc mua lô đất 47 Nơ 11 MBQH 2125 (theo Hợp đồng hỗ trợ mua đất Nguyễn Lê G ký với Lê Thanh T7).

Ngày 03/3/2018, Nguyễn Lê G viết giấy nhận tiền để nhận của Lê Thanh T7 100.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua lô đất ký hiệu C28, C29 MBQH 931.

Sau khi nhận 400.000.000 đồng của Lê Thanh T7, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

1.19 - Đàm Thị Q, sinh năm 1989, ở F Ngõ S, phường Đ, thành phố T. Do được Nguyễn Lê G giới thiệu có thể mua được đất ở các mặt bằng quy hoạch đang triển khai ở trên địa bàn thành phố T. Đàm Thị Q đã đứng ra nhận tiền của nhiều người có nhu cầu mua đất rồi chuyển lại cho Nguyễn Lê G. Cụ thể:

+ Lê Văn H13, sinh năm 1987, ở phường Đ, thành phố T: Tháng 11/2017, Đàm Thị Q nhận của Lê Văn H13, chuyển cho Nguyễn Lê G 2.000.000.000 đồng, để đặt cọc mua 03 lô đất (số C, 04, 05 Nơ 09 MBQH 2125, (theo Hợp đồng đặt cọc giữa Đàm Thị Q ký với G ngày 21/4/2018). Khi đến thời hạn, Nguyễn Lê G không mua được đất và không trả lại tiền, Lê Văn H13 đã yêu cầu Đàm Thị Q trả lại tiền. Đàm Thị Q đã dùng tiền cá nhân trả cho Lê Văn H13 số tiền 2.000.000.000 đồng.

+ Phạm Thị O1, sinh năm 1984 ở Lô 505 MBQH 530, phường Đ, thành phố T: Ngày 24/4/2018, Đàm Thị Q nhận của Phạm Thị O1, chuyển cho Nguyễn Lê G 100.000.000 đồng để đặt cọc mua lô đất D4 MBQH 913 (Theo Hợp đồng giữa Đàm Thị Q ký với Nguyễn Lê G ngày 21/3/2018). Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Đàm Thị Q chưa trả lại số tiền trên cho Phạm Thị O1.

+ Lê Xuân S2, sinh năm 1971, ở BT63, MBQH 1876 phường Đ, thành phố T): Ngày 24/4/2018, Đàm Thị Q nhận của Lê Xuân S2 chuyển cho Nguyễn Lê G 100.000.000 đồng để đặt cọc mua lô đất D5 MBQH931 (theo Hợp đồng giữa Đàm Thị Q ký với Nguyễn Lê G, ngày 21/3/2018). Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Đàm Thị Q chưa trả lại số tiền trên cho Lê Xuân S2.

+ Lê Anh L3, sinh năm 1984 ở Lô 371 MBQH 530, phường Đ, thành phố T): Ngày 21/3/2018, Đàm Thị Q nhận của Lê Anh L3 chuyển cho Nguyễn Lê G 400.000.000 đồng để đặt cọc mua lô đất C30, C31 MBQH 931 (theo Hợp đồng đặt cọc giữa Đàm Thị Q ký với Nguyễn Lê G ngày 21/3/2018). Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Đàm Thị Q chưa trả lại số tiền trên cho Lê Anh L3.

+ Nguyễn Trọng T8, sinh năm 1982, ở Phòng C khu C, quận Đ, thành phố Hà Nội: Ngày 21/3/2018, Đàm Thị Q nhận của Nguyễn Trọng T8 chuyển cho Nguyễn Lê G 400.000.000đ, để đặt cọc mua lô đất D6, D7, MBQH 931 (theo Hợp đồng đặt cọc giữa Đàm Thị Q ký với Nguyễn Lê G ngày 21/3/2018). Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Đàm Thị Q đã sử dụng tiền cá nhân trả lại 400.000.000 đồng cho Nguyễn Trọng T8.

+ Trần Mạnh H10, sinh năm 1985, ở P, Chung cư H, phường L, thành phố T: Ngày 21/3/2018, Đàm Thị Q nhận của Trần Mạnh H10 chuyển cho Nguyễn Lê G 400.000.000 đồng, để đặt cọc mua lô đất C26 MBQH 931 (theo Hợp đồng đặt cọc giữa Đàm Thị Q ký với Nguyễn Lê G ngày 21/3/2018). Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm

đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Đàm Thị Q đã sử dụng tiền cá nhân trả lại 400.000.000 đồng cho Trần Mạnh H10.

+ Lê Duy D5, sinh năm 1979 ở đường T, phường Đ, thành phố T: Ngày 21/3/2018, Đàm Thị Q nhận của Lê Duy D5 chuyển cho Nguyễn Lê G 200.000.000 đồng để đặt cọc mua lô đất C27 MBQH 931 (theo Hợp đồng đặt cọc Đàm Thị Q ký với Nguyễn Lê G ngày 21/3/2018). Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Đàm Thị Q đã sử dụng tiền cá nhân trả lại 200.000.000 đồng cho Lê Duy D5.

+ Lê Tuấn A, sinh năm 1982, ở số G đường T, phường Đ, thành phố T: Ngày 21/3/2018, Đàm Thị Q nhận của Lê Tuấn A chuyển cho Nguyễn Lê G 400.000.000 đồng để đặt cọc mua các lô đất C28, C29 MBQH 931, (theo Hợp đồng đặt cọc Đàm Thị Q ký với Nguyễn Lê G ngày 21/3/2018). Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Đàm Thị Q đã sử dụng tiền cá nhân trả lại 400.000.000 đồng cho Lê Tuấn A.

Như vậy, do tin tưởng Đàm Thị Q nhận tiền của các khách hàng (Lê Văn H13, Phạm Thị O1, Lê Xuân S2, Lê Anh L3, Nguyễn Trọng T8, Trần Mạnh H10, Lê Duy D5 và Lê Tuấn A) tổng số tiền 4.000.000.000 đồng để đặt cọc mua các lô đất tại MBQH 931. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Lê G không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền 4.000.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Đàm Thị Q đã sử dụng 3.400.000.000 đồng, tiền cá nhân trả lại cho các khách hàng (gồm: Lê Văn H13 2 tỷ đồng, Nguyễn Trọng T8 400.000.000 đồng, Trần Mạnh H10 400.000.000 đồng, Lê Duy D5 200.000.000 đồng, Lê Tuấn A 400.000.000 đồng). Về trách nhiệm dân sự, Đàm Thị Q phải trả cho các khách hàng còn lại tổng số tiền **600.000.000 đồng** (gồm: Phạm Thị O1 100.000.000 đồng, Lê Xuân S2 100.000.000 đồng, Lê Anh L3 400.000.000 đồng).

2. Hành vi của Nguyễn Lê G và Đàm Thị Q "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Lê Thị Bích P2, (sinh năm 1972, ở Tập thể Đ, phường Đ, thành phố T): Sau khi Nguyễn Quang D đưa cho Đàm Thị Q 1.689.000.000 đồng chuyển cho Nguyễn Lê G để đặt cọc mua các lô đất 23, 24 Nơ 09 MBQH 2125. Đến cuối năm 2017, Nguyễn Lê G tiếp tục nhận đặt cọc của Nguyễn Thị H14 (ở xã Q, thành phố T) số tiền 400.000.000 đồng để mua các lô đất 23; 24 Nơ 09 MBQH 2125 và hai lô khác nhưng không cụ thể. Trong đó, hai lô 23; 24 Nơ 9 MBQH 2125, Nguyễn Thị H14 đặt mua cho Lê Thị Bích P2.

Tháng 7/2018, Nguyễn Lê G thông báo cho Nguyễn Thị H14 biết các thủ tục giao dịch 04 lô đất trên thông qua Đàm Thị Q để đứng tên pháp nhân là Công ty B7. Ngày 07/8/2018, Lê Thị Bích P2 làm việc với Đàm Thị Q để nộp tiền mua hai lô đất 23, 24 Nơ 9 MBQH 2125. Đàm Thị Q viết phiếu thu đứng

tên Công ty B7 để nhận của Lê Thị Bích P2 200.000.000đ, lý do: Đặt chỗ lô 23; 24 Nơ 09. Đồng thời Đàm Thị Q cung cấp số tài khoản và yêu cầu Lê Thị Bích P2 chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH B7 số tiền 2,2 tỷ đồng để nộp thêm tiền mua hai lô đất 23; 24 Nơ 9 MBQH 2125.

Sau khi Lê Thị Bích P2 chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH B7, Đàm Thị Q trực tiếp đến ngân hàng T13 Chi nhánh T14 rút số tiền 2,2 tỷ đồng ra khỏi tài khoản. Đàm Thị Q sử dụng 700 triệu đồng để mua lô đất số 94 MBQH 3205 cho anh Lê Văn T9, sinh năm 1985, ở H, H theo yêu cầu của Nguyễn Lê G. Đàm Thị Q đưa cho Lê Văn D3 chuyển cho Nguyễn Lê G 1.050.00.000 đồng. Còn lại 350.000.000 đồng, Đàm Thị Q giữ lại chi tiêu cá nhân.

Như vậy, Nguyễn Lê G và Đàm Thị Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Thị Bích P2 tổng số tiền 2,4 tỷ đồng. Đàm Thị Q biết rõ Nguyễn Lê G trước đó đã nhận tiền đặt cọc của Nguyễn Quang D để mua lô 02 đất 23, 24 Nơ 9 MBQH 2125 nhưng vẫn giúp sức cho Nguyễn Lê G thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Lê Thị Bích P2 2.400.000.000 đồng bằng việc đứng ra giao dịch nhận tiền để mua lô đất 23, 24 Nơ 9 cho Lê Thị Bích P2. Sau đó, Đàm Thị Q giữ lại 350.000.000 đồng để sử dụng cá nhân. Do đó, Q là đồng phạm với G về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, Nguyễn Lê G phải bồi thường cho Lê Thị Bích P2 2.050.000.000 đồng. Đàm Thị Q phải bồi thường cho Lê Thị Bích P2 350.000.000 đồng. Số tiền 400 triệu đồng Nguyễn Thị H14 đưa cho Nguyễn Lê G nhưng không yêu cầu nên không xem xét.

3. Hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Đàm Thị Q:

Lê Văn D3 và Đàm Thị Q thành lập Công ty B7, trong đó Lê Văn D3 là Giám đốc, Đàm Thị Q là Phó Giám đốc. Tuy nhiên mọi hoạt động của Công ty đều do Đàm Thị Q quản lý và thực hiện, Lê Văn D3 chỉ đứng tên đại diện pháp lý của Công ty. Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của một số người, Đàm Thị Q đưa ra thông tin về việc mình có mối quan hệ để mua được đất tại mặt bằng quy hoạch 855 (làng T, phường P, thành phố T) với giá ưu đãi. Trên thực tế qua xác minh, bản thân Đàm Thị Q không có mối quan hệ, không được ủy quyền của chủ đầu tư là Tổng Công ty Đ2 để giao bán các lô đất thuộc MBQH 855 nêu trên. Bằng thủ đoạn nêu trên, Đàm Thị Q đã thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của những người có nhu cầu mua đất. Cụ thể:

3.1 - Phan Thị H15, sinh năm 1984, ở số D L, phường Đ, thành phố T: Ngày 06/7/2018, Đàm Thị Q nhân danh Phó Giám đốc Công ty B7, lập Thỏa thuận đăng ký giữ quyền đặt mua, Hợp đồng vay vốn, Phiếu thu để nhận của Phan Thị H15 300.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua 03 lô đất 08, 09, 10 N12 MBQH 855. Sau khi nhận 300.000.000 đồng của Phan Thị H15, Đàm Thị Q không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

3.2 - Trần Thị T10, sinh năm 1992 ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa: Ngày 06/7/2018, Đàm Thị Q nhân danh Phó Giám đốc Công ty B7, lập Thỏa thuận đăng ký giữ quyền đặt mua, Hợp đồng vay vốn, Phiếu thu để nhận của Trần Thị T10 200.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua 02 lô đất 11, 12 N12 MBQH 855. Sau khi nhận 200.000.000 đồng của Trần Thị T10, Đàm Thị Q không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

3.3 - Lê Thị L4, sinh năm 1969 ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa: Ngày 06/7/2018, Đàm Thị Q nhân danh Phó Giám đốc Công ty B7, lập Thỏa thuận đăng ký giữ quyền đặt mua, Hợp đồng vay vốn, Phiếu thu để nhận của Lê Thị L4 200.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua 03 lô đất 05 Nơ8 và 15, 16 N12 MBQH 855. Sau khi nhận 200.000.000 đồng của Lê Thị L4, Đàm Thị Q không liên hệ với chủ đầu tư để mua đất như đã hứa, chỉ trả lại 100.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

Như vậy, Đàm Thị Q đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 03 khách hàng nêu trên, tổng số tiền **700.000.000 đồng**, đã khắc phục hậu quả, trả lại cho Lê Thị L4 100.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng sử dụng chi tiêu cá nhân.

4. *Hành vi "Làm giả con dấu của cơ quan tổ chức" của Nguyễn Lê G và Lê Văn D3*:

Tháng 02/2018, Nguyễn Lê G chỉ đạo và đưa tiền cho Lê Văn D3 tìm mua máy khắc Laze để làm giả con dấu. Lê Văn D3 trực tiếp liên hệ và mua 01 máy khắc Laze (kích thước khoảng 1,2m x 0,7m x 0,6m, thân vỏ bằng thép màu nâu, nhãn hiệu Trung Quốc) tại khu vực T, thành phố Hà Nội, giá 94.000.000 đồng đem về K-ốt chợ T15, T, thành phố T cất giấu.

Sau khi mua được máy khắc L5, Nguyễn Lê G đưa mẫu và yêu cầu Lê Văn D6 làm giả con dấu của Công ty TNHH B4. Lê Văn D3 lên mạng xem các Clip hướng dẫn cách tạo con dấu. Sau đó, Lê Văn D3 dùng phần mềm đồ họa vẽ hình con dấu theo mẫu con dấu Nguyễn Lê G đưa và lập trình cho máy khắc dấu Laze để máy tự chạy khắc ra hình con dấu. Sau khi có phôi hình dấu do máy khắc laze tạo ra, Lê Văn D3 mua vỏ hộp dấu (loại hộp hình vuông, dấu dập lật) bỏ phôi dấu đã khắc vào để tạo ra con dấu mang tên Công ty TNHH B4 đưa cho Nguyễn Lê G sử dụng. Nguyễn Lê G đã sử dụng con dấu giả nêu trên đóng vào 19 Phiếu đăng ký đưa cho Nguyễn Sỹ K.

Lê Văn D3 khai nhận: Khoảng tháng 8/2018, Đàm Thị Q nhờ Lê Văn D3 khắc cho Đàm Thị Q mẫu dấu của Công ty Cổ phần B6. Lê Văn D3 đã dùng phương pháp trên để khắc con dấu mang tên Công ty Cổ phần B6 giao cho Đàm Thị Q. Lê Văn D3 thừa nhận hành vi làm giả con dấu của Công ty TNHH B4, Công ty Cổ phần B6 và tự nguyện giao nộp máy khắc L5 (đã bị tháo bỏ phần

điều khiển nguồn và điều khiển mắt L5) mà Lê Văn D3 đã sử dụng để làm giả 02 con dấu nêu trên. Theo Kết luận giám định số 406/KLGĐ-PC09 ngày 31/01/2019; Kết luận giám định số 635/KLGĐ-PC09, ngày 22/3/2019 của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa và Kết luận giám định số 212/GĐKTHS-P11, ngày 09/10/2020 của Phòng Giám định KTHS Bộ Q1, kết luận con dấu mang tên: Công ty TNHH B4; Công ty Cổ phần B6, là giả.

Vật chứng của vụ án: Quá trình khám xét chỗ ở của Lê Văn D3, Cơ quan điều tra thu giữ các bộ phận của máy khắc laze, là phương tiện để Lê Văn D3 làm giả con dấu. Số vật chứng trên chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để xử lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 117/CT-VKS-P2 ngày 08/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố Nguyễn Lê G về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hnh sự. Đàm Thị Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hnh sự. Lê Văn D3 về tội "Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức", quy định tại điểm b, c, khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hnh sự.

Ngày 20/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa để điều tra bổ sung làm rõ hành vi đồng phạm với Nguyễn Lê G của bà Lê Thị H1.

Ngày 15/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành công văn số 11/VKS-P2 về giữ nguyên cáo trạng số 117/CT-VKS-P2 ngày 08/10/2021.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HSST ngày 20/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Tuyên bố Nguyễn Lê G phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Đàm Thị Q phạm tội"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s, b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm c khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hnh sự; điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử phạt: Nguyễn Lê G tù Chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 05 (năm) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tù Chung thân, tổng hợp với hình phạt 12 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, buộc

Nguyễn Lê G phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là tù chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/10/2018.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hnh sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Xử phạt: Đàm Thị Q 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Lê G trả cho những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt. Cụ thể: ông Nguyễn Sỹ K tổng số tiền 31.687.650.000 đồng; Trần Đăng H9 và Lê Thị D2 (GĐ và PGĐ C3) 27.677.500.000 đồng; Đỗ Đình T 4.830.000.000 đồng; Đỗ Thành T6 3.050.000.000 đồng; Hoàng Văn K1 3.277.100.000 đồng; Trần Văn T1 5.600.000.000 đồng; Ngô Xuân N3 1.040.000.000 đồng; Trần Thị Hồng G4 423.000.000 đồng; Phan Thị L1 500.000.000 đồng; Lê Sỹ V1 100.000.000 đồng; Phạm Văn L2 100.000.000 đồng; Hồ Thị H11 200.000.000 đồng; Hoàng Ngọc D4 1.600.000.000 đồng; Nguyễn Văn H3 913.000.000 đồng; Đỗ Viết P 1.200.000.000 đồng; Nguyễn Quang D 2.347.000.000 đồng; Lê Đình H12 750.000.000 đồng; Lê Thanh T7 400.000.000 đồng; Lê Thị Bích P2 2.050.000.000 đồng.

Nguyễn Lê G phải trả cho Đàm Thị Q số tiền mà Q đã nhận của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sau đó chuyển cho Nguyễn Lê G, sau đó Q dùng tiền của mình trả cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan 7.350.000.000 đồng.

Buộc Đàm Thị Q phải trả cho những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt. Cụ thể: trả cho Lê Thị Bích P2 350.000.000 đồng; Phan Thị H15 300.000.000 đồng; Trần Thị T10 200.000.000 đồng; Lê Thị L4 100.000.000 đồng; Nguyễn Văn H3 125.000.000 đồng; Lê Xuân P1 254.000.000 đồng; Phạm Thị O1 100.000.000 đồng; Lê Xuân S2 100.000.000 đồng; Lê Anh L3 400.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu Lê Thị D2, Trần Đăng H9 và Đàm Thị Q trả lại số tiền đã nhận theo hợp đồng hoặc yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa xem xét giải quyết tin báo tố giác tội phạm việc nhận tiền của Lê Thị D2, Trần Đăng H9 và Đàm Thị Q theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Văn D3; quyết định về xử lý vật chứng, kiến nghị làm rõ hành vi của Lê Thị H1; quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 27/02/2023, bị cáo Đàm Thị Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vào các ngày 28/02/2023, 02/03/2023, 16/3/2023, 18/3/2023, những người bị hại gồm: ông Nguyễn Sỹ K, ông Đỗ Đình T, ông Hoàng Văn K1, ông Trần Văn T1, ông Ngô Xuân N3, ông Nguyễn Văn H3, ông Đỗ Viết P, ông Nguyễn Quang D đều có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại trách nhiệm dân sự; vụ án bỏ lọt tội phạm đối với Lê Thị H1, Lê Thị D2 và Trần Đăng H9.

Vào các ngày 02, 03, 15/3/2023 những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị O, bà Lê Thị B1, bà Lê Thị H4, ông Đỗ Tiến H5, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị H6, ông Lê Văn L, ông Võ Tiến V, bà Phạm Lê Thái N4, bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị B2, ông Lê Duy T3, bà Nguyễn Thị Thu H8, ông Lê Trần D1 đều có đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm đối với Lê Thị D2, Trần Đăng H9 và Lê Thị H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đàm Thị Q xin rút yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư Nguyễn Hữu G - Công ty L7, Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hoá bào chữa cho bị cáo Đàm Thị Q nhất trí với việc bị cáo Đàm Thị Q xin rút yêu cầu kháng cáo.

- Những người bị hại và Luật sư Mai Văn B3 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Sỹ K trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của bà Lê Thị H1, vì bà H1 là người viết các hợp đồng, phiếu thu để G ký. Việc mua bán đất được thực hiện giữa ông K, G và bà H1, tin nhắn giữa bà H1 và ông K về việc mua bán đất; trong 19 phiếu thu thì 11 phiếu thu đứng tên ông K, 08 phiếu đứng tên bà H1 (phiếu giả); ngày 08/02/2018 bà H1 nhắn tin cho ông K bằng số điện thoại 0914430555 có đất rồi lên nộp tiền thêm, sau đó ông K lên đưa cho bà H1 2 tỷ, hôm sau nộp tiếp 800 triệu để lấy 19 phiếu thu, trước khi nhắn ông K lên nộp tiền bà H1 chụp phiếu thu gửi cho ông K nói là đã có phiếu thu (nộp tiền để lấy phiếu thu) đã được ông K lưu giữ tin nhắn và hình ảnh chụp phiếu thu cung cấp tại phiên tòa. Số tiền 2,8 tỷ là tiền bà H1 trực tiếp chiếm đoạt của ông (đưa tiền để lấy phiếu thu, phiếu thu giả theo giám định) chứ không phải tiền mua đất. Mặt, khác khi ông K giao dịch làm việc với bà H1 có anh Trần Văn T1 biết, ngoài ra nhiều người bị hại anh T6, anh T, anh H3 đều thừa nhận có giao dịch mua bán đất với bà H1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ vai trò đồng phạm của bà Lê Thị H1; số tiền phải bồi thường cho những người bị hại mà các bị cáo đã chiếm đoạt, cũng như số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt đã sử dụng vào việc gì, để đảm bảo quyền lợi cho những người bị hại.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm Lê Thị D2, Trần Đăng H9 người đã nhận tiền, sau đó tìm cách trốn tránh và là người đưa ra thông tin không đúng làm cho mọi người tin tưởng nên mới đưa tiền. Mặt khác, xem xét vai trò đồng phạm có tổ chức của G, D2, H9 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; xác định chúng tôi là người bị hại trong vụ án và làm rõ số tiền G chiếm đoạt sử dụng cụ thể vào việc gì, để đảm bảo quyền lợi cho chúng tôi..

Luật sư Đặng Văn C1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Trần Đăng H9: Trần Đăng H9 không biết G không có khả năng mua được đất mà vẫn tin tưởng G có thể mua được đất như thỏa thuận giữa hai bên, mặt khác thỏa thuận trong giấy nhận tiền giữa H9 và G không rõ ràng số lô, giá tiền từng lô, của từng mặt bằng nên không có căn cứ xác định Trần Đăng H9 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của khách hàng đưa cho H9 để mua đất. G thừa nhận đã nhận của Công ty B4 31.385.500.000đ Nguyễn Lê G đã trả cho Trần Đăng H9 3.708.000.000đ còn chiếm đoạt 27.677.500.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Do các cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng và bỏ lọt tội phạm. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí; Đề nghị Tòa án, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo G, Q về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản để giải quyết lại. Đối với tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" của* Nguyễn Lê G và Lê Văn D3 đã xét xử có hiệu lực pháp luật cần giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của bị cáo Đàm Thị Q, của các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung, xét kháng cáo của bị cáo Đàm Thị Q, của các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, thấy:

[2.1]. Từ năm 2009 đến tháng 9/2017, Nguyễn Lê G là cán bộ công tác tại Phòng T, Ủy ban nhân dân thành phố T, nên Nguyễn Lê G đưa ra thông tin về

việc bản thân mình có thể mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T với giá thấp hơn giá thị trường, làm cho nhiều người làm môi giới bất động sản và các cá nhân có nhu cầu mua đất tin tưởng, đưa tiền hoặc nhận tiền của người khác đưa cho Nguyễn Lê G để đặt cọc mua đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T. Trên thực tế, Nguyễn Lê G không có khả năng mua được đất tại các mặt bằng quy hoạch trên địa bàn thành phố T như đã hứa, nhưng vẫn làm hợp đồng và nhận tiền; sau đó Nguyễn Lê G sử dụng vào mục đích tiêu dùng và trả nợ cá nhân, không mua được đất như đã hứa, chiếm đoạt, tổng số tiền 96.853.250.000đ. Để thực hiện được việc chiếm đoạt số tiền này của các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên qua; G đã liên kết với Đàm Thị Q, Lê Thị D2 - Giám đốc và Trần Đăng H9 - Phó Giám đốc Công ty B4; Lê Thị H1 để làm hợp đồng mua bán đất và thu tiền của những người có nhu cầu mua đất. Sau đó giao cho G và giữa lại một phần.

Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại và người liên quan: Tháng 02/2018, Nguyễn Lê G chỉ đạo và đưa tiền cho Lê Văn D3 mua 01 máy khắc Laze, giá 94.000.000 đồng đem về Ki- ốt chợ T15, T, TP . cất giấu. Nguyễn Lê G đưa mẫu và yêu cầu Lê Văn D3 làm giả con dấu của Công ty TNHH B4. Lê Văn D3 đã khắc và tạo ra con dấu mang tên Công ty TNHH B4 đưa cho Nguyễn Lê G sử dụng.

Khoảng tháng 8/2018, Lê Văn D3 khắc và tạo ra con dấu mang tên Công ty Cổ phần B6. Ngoài ra còn khắc một dấu chữ ký mang tên Nguyễn Minh H16, một dấu tên Nguyễn Minh H16 và một biển tên Nguyễn Minh H16. Phòng Giám định KTHS Bộ Q1, kết luận con dấu mang tên: Công ty TNHH B4; Công ty Cổ phần B6, là giả.

Nguyễn Lê G đã sử dụng con dấu giả nêu trên đóng vào 19 Phiếu đăng ký đưa cho Nguyễn Sỹ K. Ngoài ra G đã làm giả 05 phiếu thu tiền của Công ty TNHH B4, bằng cách sử dụng máy tính cá nhân lập phiếu thu, sử dụng phần mềm Photoshop tạo hình con dấu Công ty TNHH B4, ghép vào bản Word của nội dung phiếu thu, sử dụng máy in màu in phiếu thu rồi tự ký phiếu thu đưa cho Đỗ Đình T, Đỗ Thành T6, Hoàng Văn K1, Ngô Xuân N3 và Đỗ Viết P để làm tin. Theo kết luận giám định của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận các phiếu thu trên được làm giả bằng phương pháp Scan in màu.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vai trò đồng phạm của Nguyễn Lê G và Đàm Thị Q về việc hành vi *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; cũng như* vai trò đồng phạm của Nguyễn Lê G *với bị cáo Lê Văn D3 về hành vi "Làm giả con dấu của cơ quan tổ chức" là có căn cứ pháp luật.*

[2.2]. *Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết Tòa án sơ thẩm đã nhiều lần trả hồ sơ điều tra bổ sung và kiến nghị trong bản án làm rõ về việc bà* Lê Thị H1 *(Mẹ bị G) có vai trò đồng phạm trong vụ án không? Xong các cơ quan tiến*

hành tố tụng đã chưa điều tra, xem xét đầy đủ, trong khi đó những người bị hại lại cho rằng: Thời điểm tháng 12/2017 và tháng 01/2018, ông K đến nhà Nguyễn Lê G gặp bà Lê Thị H1 (mẹ đẻ bị cáo Nguyễn Lê G), qua trao đổi với bà H1, bà H1 có hứa sẽ mua được các lô đất với giá ngoại giao (rẻ hơn thị trường) tại các mặt bằng quy hoạch tại thành phố T, số tiền ông đưa cho bà H1 và G nhiều lần tổng hơn 31 tỷ. Bà H1 là người trực tiếp viết các hợp đồng, phiếu thu để G ký và nhận 12,1 tỷ đồng, trong đó số tiền 2,8 tỷ đồng bà H1 nhận của ông K. Ngoài ra, bà H1 còn yêu cầu ông K nộp thêm số tiền 04 tỷ đồng để lấy 19 phiếu thu, thì 11 phiếu thu đứng tên ông K, 08 phiếu đứng tên bà H1 (phiếu giả). Việc giao dịch giữa ông K và bà H1 được thể hiện qua số điện thoại 0914430555 bằng tin nhắn (ngày 08/02/2018) đã được ông K lưu giữ tin nhắn và hình ảnh chụp phiếu thu cung cấp tại phiên tòa; phù hợp với giấy giao nhận tiền đề ngày 08/2/2018 có nội dung bà H1 nhận số tiền 2,8 tỷ của ông K để lấy các phiếu thu của 19 lô đất. Ngoài ra, quá trình điều tra bà H1 còn khai giúp bị cáo G viết 10 phiếu thu đặt tiền góp vốn vào các lô đất tại mặt bằng quy hoạch 2125 để đưa cho ông K. Như vậy đối tượng H1 có dấu hiệu đồng phạm với G để chiếm đoạt tiền của các bị hại.

Mặt, khác khi ông K giao dịch làm việc với bà H1 có anh Trần Văn T1 biết, ngoài ra nhiều người bị hại anh T6, anh T, anh H3 đều thừa nhận có giao dịch mua bán đất với bà H1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ vai trò đồng phạm của bà Lê Thị H1; số tiền phải bồi thường cho những người bị hại mà các bị cáo đã chiếm đoạn, cũng như số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt đã sử dụng vào việc gì, để đảm bảo quyền lợi cho những người bị hại.

[2.3]. Bản án sơ thẩm xác định các ông, bà Lê Duy T3, Lê Thị S, Nguyễn Thị T2, Võ Tiến V, Lê Văn L, Phạm Lê Thái N4, Nguyễn Thị O, Lê Thị B1, Nguyễn Thị Thu H8, Lê Thị H4, Nguyễn Thị B2, Lê Trần D1, Đỗ Tiến H5, Nguyễn Thị H6, ông Trần Bá Đ (là đại diện hợp pháp cho anh Trần Bá Đ1) và một số người khác được được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên: *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu Lê Thị D2, Trần Đăng H9 và Đàm Thị Q trả lại số tiền đã nhận theo hợp đồng hoặc yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Thanh Hóa xem xét giải quyết tin báo tố giác tội phạm việc nhận tiền của Lê Thị D2, Trần Đăng H9 và Đàm Thị Q theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự hoặc khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.* Thấy rằng những người này trực tiếp bị thiệt hại bởi hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên phải xác định họ là người bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 62 BLTTHS mới chính xác. Bản án sơ thẩm xác định họ là người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan là không đúng pháp luật dẫn đến việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại chưa được giải quyết trong cùng vụ án.

Trong quá trình điều tra, những người bị thiệt hại nêu trên đều khai D2, H9 đưa ra thông tin gian dối, cung cấp hồ sơ quy hoạch tại các mặt bằng trên địa bàn thành phố T, khẳng định lấy được đất như thỏa thuận, còn dẫn những người nộp tiền đến xem mặt bằng. Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ hành vi nhận tiền của D2, H9 có yếu tố đồng phạm giúp sức cho các bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại hay không nhưng lại tách các hành vi của các đối tượng trên để giải quyết khi có tin báo tố giác tội phạm là trái quy định về tách vụ án, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của những người bị thiệt hại trong vụ án này.

[2.4]. Trong vụ án này có 31 bị hại và 47 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bị chiếm đoạt số tiền 96.853.250.000 đồng là số tiền đặc biệt lớn. Quá trình điều tra chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo G về việc sử dụng số tiền trên để tiêu xài cá nhân và trả nợ, không có tài liệu nào khác thể hiện việc bị cáo G đã sử dụng số tiền nêu trên để trả nợ ai, tiêu xài vào việc gì để có biện pháp thu hồi tài sản bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của những người bị hại.

Những thiếu sót nêu trên Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy cần huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa để điều tra lại vụ án đối H1, H9, D2 có vai trò đồng phạm với các bị cáo G, Q về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo đúng quy định như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Hà Nội.

Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Đối với việc bị cáo Q rút yêu cầu kháng cáo, tuy nhiên do bản án bị hủy nên không xem xét kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo Q.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[4]. Ý kiến của người bào chữa cho người bị hại H9 không phù hợp toàn bộ với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận toàn bộ và chỉ được chấp nhận một phần. Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo và người bị hại phù hợp toàn bộ với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận toàn bộ và chỉ được chấp nhận một phần.

[5]. Về án phí: Do huỷ bản án sơ thẩm nên các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đối với việc bị cáo Q rút yêu cầu kháng cáo, tuy nhiên do bản án bị hủy nên không xem xét kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo Q; Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 20/02/2023 của TAND tỉnh Thanh Hóa, đối với Nguyễn Lê G, Đàm Thị Q về tội danh, hình phạt và trách nhiệm bồi thường dân sự về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa để điều tra lại vụ án theo quy định.

2. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm đối G và D3 về tội danh và hình phạt về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*,

3. Tiếp tục tạm giam bị cáo G cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý lại vụ án.

4. Về án phí: Bị cáo và người bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo (Trại giam);
- Bị hại và người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan kháng cáo;
- Lưu HSVA; P.HCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà